

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH BIÊN PHIÊN DỊCH TIẾNG ANH

I. Mô tả chương trình đào tạo

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Biên Phiên dịch tiếng Anh được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Biên Phiên dịch tiếng Anh
Tên chương trình (tiếng Anh)	English Translation and Interpretation
Mã số ngành đào tạo	7220201
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	140 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ qui định trong chương trình đào tạo (đạt 141 tín chỉ); điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4);- Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10);- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none">- Biên dịch viên và phiên dịch tiếng Anh (trong các dự án chính phủ và phi chính phủ, các tập đoàn, công ty, ngân hàng, trung tâm tư vấn du học, xuất nhập cảnh...);- Biên tập viên (trong các cơ quan thông tấn báo chí, viện bảo tàng, cơ quan đối ngoại...);

	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu viên (trong các viện nghiên cứu về ngôn ngữ học tiếng Anh, văn hóa và văn chương các nước nói tiếng Anh); - Hướng dẫn viên (hành nghề tự do hoặc làm việc trong các công ty du lịch và lữ hành...); - Huấn luyện tiếng Anh (trong các cơ sở giáo dục và trung tâm ngoại ngữ nếu đáp ứng được yêu cầu của các cơ sở và trung tâm này).
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu, sáng tạo trong chuyên môn và trong công việc; - Nắm vững kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ, phương pháp học và nghiên cứu để tiếp tục học tập sau đại học đối với các chuyên ngành: Biên phiên Dịch tiếng Anh và Giao tiếp đa văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học tiếng Anh,... tại các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục đại học; Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT); Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/2014/TT-BTTTT); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo của AUN-QA (phiên bản 2015); - Chương trình đào tạo đại học ngành Biên Phiên dịch Anh của Trường Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP Hồ Chí Minh.
Thời gian cập nhật bản mô tả	8/2019

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình Ngôn ngữ Anh trình độ đại học chuyên ngành Biên dịch – Phiên dịch tiếng Anh đào tạo những cử nhân có kiến thức chuyên môn toàn diện, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thành thạo, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực biên phiên dịch Anh - Việt và Việt - Anh đáp ứng khung trình độ quốc gia;; có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng và an ninh; có khả năng sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng các quy định hiện hành; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi, năng lực nghiên cứu khoa học và sức khỏe đáp ứng được những yêu cầu hoàn thiện bản thân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu của quốc tế

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo chuyên ngành Biên dịch – Phiên dịch tiếng Anh trình độ đại học:

a. trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn, kỹ năng và năng lực biên dịch và phiên dịch Anh – Việt và Việt – Anh đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam; năng lực tiếng Anh đáp ứng Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam;

b. trang bị cho sinh viên trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh, năng lực ngoại ngữ thứ hai và năng lực công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành;

c. rèn luyện sinh viên có tác phong chuyên nghiệp, có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng học tập suốt đời, nghiên cứu khoa học, khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa; có sức khỏe, đạo đức, ý thức công dân, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội;

d. đào tạo sinh viên có năng lực làm việc trong các ngành nghề phù hợp với chuyên môn và các năng lực ngôn ngữ đã được đào tạo; có năng lực học tập sau đại học ngành Biên dịch – Phiên dịch tiếng Anh và các ngành có liên quan.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo Biên dịch – Phiên dịch tiếng Anh trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức, có những kỹ năng và thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật; kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh; các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước;

b. Nắm vững kiến thức ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và các tiêu chí ngôn ngữ chung về ngôn ngữ tiếng Pháp được quy định cho bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; kiến thức công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng quy định của trình độ đào tạo.

3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Nắm vững kiến thức lý thuyết về ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và các tiêu chí ngôn ngữ chung về ngôn ngữ tiếng Anh được quy định cho bậc 5 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam;

b. Nắm vững kiến thức thực tế về việc vận dụng các kỹ năng tiếng Anh cụ thể về nghe, đọc và viết (viết sản sinh và tương tác, xử lý thông tin, văn bản,...) vào việc xử lý các tình huống trong biên – phiên dịch, trong học tập, giao tiếp và nghiên cứu;

c. Nắm vững kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát tiến trình học tập của bản thân, kiến thức về việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành, kiến thức chuyên ngành chuyên sâu và kiến thức hỗ trợ trong tiến trình học tập và trong thực tiễn công việc; kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

a. Nắm vững kiến thức lý thuyết về các nguyên lý và trường phái dịch thuật, quy tắc tác nghiệp và đạo đức nghề nghiệp biên – phiên dịch; kiến thức lý thuyết khái quát về vai trò của văn hóa và văn chương trong dịch thuật; kiến thức căn bản về nghi lễ ngoại giao, giao tiếp đa văn hóa;

b. Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực tế về việc vận dụng ngôn ngữ và kỹ năng tiếng Anh bậc cao cấp trong lĩnh vực biên dịch và phiên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại;

c. Nắm vững kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu, cách viết đề cương nghiên cứu, cách xử lý và diễn dịch số liệu thống kê phục vụ công tác nghiên cứu khoa học xã hội.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

a. Sử dụng những kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh tương đương bậc 5 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam một cách linh hoạt và hiệu quả trong công việc dịch thuật, phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn; vận dụng kỹ năng ngôn ngữ tiếng Pháp tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trong giao tiếp.

b. Vận dụng các phương thức biên dịch (vay mượn, sao phỏng, dịch nguyên văn, chuyển đổi từ loại, biến đổi hình thái, tương đương, dịch thoát, ...), kỹ năng phiên dịch (ghi chú, ghi nhớ, ứng phó tình huống, nhại giọng, làm chủ không gian, ...), xử lý văn bản, kỹ năng tìm kiếm, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin vào việc xử lý các tình huống trong biên – phiên dịch;

c. Hình thành, tăng cường kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường hoạt động chuyên môn không xác định hoặc thay đổi;

d. Hình thành kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và đánh giá kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm làm việc chuyên môn; những kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề chuyên môn phức tạp.

3.2.2. Kỹ năng mềm

a. Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ hoặc hoạt động chuyên môn cụ thể hoặc phức tạp;

b. Ứng dụng kỹ năng quản lý, hợp tác, giải quyết vấn đề, đàm phán, và dẫn dắt vào tiến trình học tập và làm việc;

c. Giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc và học tập đa văn hóa; phát triển kỹ năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác;

d. Ứng dụng các kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, sử dụng Internet phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn.

3.3. Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Hình thành ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, phẩm chất chính trị đạo đức, ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân; biết xem xét, tôn trọng và chấp nhận các quan điểm khác biệt;

b. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề mình theo đuổi; thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi; có thái độ cầu tiến và vượt khó; có phương pháp tiếp cận và phong cách làm việc khoa học, chuyên nghiệp;

c. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ đã xác định;

d. Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo vào việc phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn làm việc; lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động;

đ. Thực hành học tập suốt đời; chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân; luôn cập nhật thông tin và kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử và xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp và hiệu quả.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (2)	Chuẩn đầu ra (3)												Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)				
	Kiến thức (3.1)				Kỹ năng (3.2)				Kỹ năng (3.2)								
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)		Kỹ năng mềm (3.2.2)		Kỹ năng mềm (3.2.2)						
a	b	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d	
2.2a	X	X															
2.2b	X													X			
2.2c					X							X	X				
2.2d	X					X			X	X					X	X	X

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra

TT	MSHP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (3)												Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)			
			Kiến thức (3.1)				Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)							
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)		Kỹ năng mềm (3.2.2)		Kỹ năng mềm (3.2.2)					
a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d			
Khối kiến thức Giáo dục đại cương																		
1.	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	X												X			X
2.	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	X												X			X
3.	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	X												X			X
4.	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	X												X			X
5.	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	X												X			X
6.	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)								X						X		X
7.	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)								X						X		X
8.	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)								X						X		X
9.	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)								X						X		X
10.	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)								X						X		X

Học phần		Chuẩn đầu ra (3)																		
		Kiến thức (3.1)						Kỹ năng (3.2)				Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)								
		Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)								
		a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d
TT	MSHP	Tên học phần																		
59.	XN314						X					X	X				X	X		X
60.	XN315						X					X	X				X	X		
61.																	X	X		
62.																	X	X		X
63.	XH499																X	X		X
64.	XH498						X													X
65.	XN320																X	X		X
66.																				X
67.	XN321																X	X		X
68.	XN342																X	X		X
69.	XN324																X	X		X
70.																	X	X		X
71.	XN325						X										X	X		X

II. Mô tả chương trình dạy học

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Sư phạm Sinh học được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa : 140 tín chỉ
 Khối kiến thức giáo dục đại cương : 38 tín chỉ (Bắt buộc: 23 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)
 Khối kiến thức cơ sở ngành : 48 tín chỉ (Bắt buộc: 48 tín chỉ; Tự chọn: 0 tín chỉ)
 Khối kiến thức chuyên ngành : 53 tín chỉ (Bắt buộc: 43 tín chỉ; Tự chọn: 10 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức giáo dục đại cương										
1	QP006	Giáo dục quốc phòng – An ninh 1 (*)	2	2		30				Bổ trí theo nhóm ngành
2	QP007	Giáo dục quốc phòng – An ninh 2 (*)	2	2		30				Bổ trí theo nhóm ngành
3	QP008	Giáo dục quốc phòng – An ninh 3 (*)	3	3		20	65			Bổ trí theo nhóm ngành
4	QP009	Giáo dục quốc phòng – An ninh 4 (*)	1	1		10	10			Bổ trí theo nhóm ngành
5	TC100	Giáo dục thể chất 1 + 2 + 3 (*)	1 +1+1		3		90			I, II, III
6	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4		10	60				I, II, III
7	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004		I, II, III
8	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		XH005		I, II, III
9	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60				I, II, III
10	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL004		I, II, III
11	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL005		I, II, III
12	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I, II, III
13	TN034	TT. Tin học căn bản	2	2			60			I, II, III
14	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30				I, II, III
15	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009		I, II, III
16	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010		I, II, III
17	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	3	3		45		ML006		I, II,

		sản Việt Nam								III
18	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I, II, III
19	ML007	Logic học đại cương	2			30				I, II, III
20	XH028	Xã hội học đại cương	2		2	30				I, II, III
21	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I, II, III
22	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I, II, III
23	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I, II, III
24	KN001	Kỹ năng mềm	2			30				I, II, III
25	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I, II, III
Cộng: 38 TC (Bắt buộc: 23 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức Cơ sở ngành										
26	FL219	Nghe Nói B1	3	3		15	60			I, II
27	FL205	Đọc Viết B1	3	3		15	60			I, II
28	FL220	Nghe Nói B2.1	3	3		15	60	26		I, II
29	FL206	Đọc Viết B2.1	3	3		15	60	27		I, II
30	FL221	Nghe Nói B2.2	3	3		15	60	28		I, II
31	FL207	Đọc Viết B2.2	3	3		15	60	29		I, II
32	FL222	Nghe Nói C1.1	3	3		15	60	30		I, II
33	FL208	Đọc Viết C1.1	3	3		15	60	31		I, II
34	SG279	Ngữ pháp cơ bản	2	2			60			I, II
35	SG280	Ngữ pháp trung cấp	2	2			60	SG279		I, II
36	SG281	Ngữ pháp nâng cao	2	2			60	SG280		I, II
37	SG282	Ngữ âm thực hành cơ bản	2	2			60			I, II
38	SG283	Ngữ âm thực hành nâng cao	2	2			60	SG282		I, II
39	FL215	Kỹ năng thuyết trình	2	2			60			I, II
40	FL262	Viết C1.2	2	2			60	33		I, II
41	SG277	Viết báo cáo khoa học	2	2			60	40		I, II
42	FL209	Đọc C1.2	2	2			60	33		I, II
43	FL211	Đọc phát triển kỹ năng phân biện	2	2			60	42		I, II
44	FL223	Nghe Nói C1.2	2	2			60	32		I, II
45	FL225	Nghe Nói C1.3	2	2			60	45		I, II
Cộng: 48 TC (Bắt buộc: 48 TC; Tự chọn: 0 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
46	XH175	Phương pháp nghiên cứu khoa học –	2	2			60			I, II

		Anh văn							
47	XN332	Thực tế ngoài trường – Anh văn	2	2		60	\geq 105 TC		III
48	XN333	Thực tập ngoài trường – Anh văn	2	2		60	\geq 105 TC		III
49	XH383	Dẫn luận ngôn ngữ	3	3		45			I, II
50	XH535	Từ pháp và cú pháp học	3	3		45		XH383	I, II
51	XH454	Ngữ dụng học- Anh văn	2	2		30	60	XH383	I, II
52	FL212	Giao tiếp đa văn hóa	3	3		45		XH383	I, II
53	SP466	Nói trước công chúng	2	2			60		I, II
54	XH465	Lý thuyết dịch	2	2		30			I, II
55	XH551	Dịch thuật đại cương	2	2		30			I, II
56	XN312	Biên dịch 1: Kỹ năng biên dịch căn bản	3	3			90	XH465, XH551	I, II
57	XN313	Biên dịch 2: Kỹ năng biên dịch nâng cao	3	3			90	XH465, XH551	I, II
58	FL201	Biên dịch 3: Đánh giá chất lượng bản dịch	3	3			90	XH465, XH551	I, II
59	XN314	Phiên dịch 1: Kỹ năng dịch đuôi căn bản 1	3	3			90	XH465, XH551	I, II
60	XN315	Phiên dịch 2: Kỹ năng dịch đuôi căn bản 2	3	3			90	XH465, XH551	I, II
61	FL241	Phiên dịch 3: Kỹ năng dịch đuôi nâng cao	3	3			90	XH465, XH551	I, II
62	FL242	Phiên dịch 4: Kỹ năng phiên dịch song song	2	2			60	XH465, XH551	I, II
Các học phần tốt nghiệp									
63	XH499	Luận văn tốt nghiệp	10						I, II
64	XH498	Tiểu luận tốt nghiệp	4						I, II
65	XN320	Biên dịch kỹ thuật	2	10			60		I, II
66	FL202	Biên dịch văn học – điện ảnh	2				60		I, II
67	XN321	Biên dịch báo chí	2				60		I, II
68	XN342	Biên dịch thư tín thương mại	2				60		I, II
69	XN324	Phiên dịch giáo dục	2				60		I, II
70	FL243	Phiên dịch du lịch	2				60		I, II
71	XN325	Phiên dịch môi trường	2				60		I, II
Cộng: 53 TC (Bắt buộc: 43; Tự chọn: 10)									
Tổng cộng: 140 TC (Bắt buộc: 115 TC; Tự chọn: 25 TC)									

3. Kế hoạch dạy học

TT	MSHP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
NĂM THỨ 1, HỌC KỲ I (HỌC KỲ THỨ 1/10)								
1	QP006	GD quốc phòng & an ninh 1 (*)	2	2		30		
2	QP007	GD quốc phòng & an ninh 2 (*)	2	2		30		
3	QP008	GD quốc phòng & an ninh 3 (*)	3	3		20	65	
4	QP009	GD quốc phòng & an ninh 4 (*)	1	1		10	10	
5	SG279	Ngữ pháp cơ bản	2	2		60		
6	SG282	Ngữ âm thực hành cơ bản	2	2		60		
TỔNG CỘNG			12	12				
NĂM THỨ 1, HỌC KỲ II (HỌC KỲ THỨ 2/10)								
1	FL205	Đọc viết B1	3	3		15	60	
2	SG280	Ngữ pháp trung cấp	2	2			60	SG279
3	FL219	Nghe nói B1	3	3		15	60	
4	SG283	Ngữ âm thực hành nâng cao	2	2			60	SG282
5	ML014	Triết học Mác Lênin	3	3		45		
6	FL215	Kỹ năng thuyết trình	2	2			60	
7	TC100	GD thể chất 1 (*)	1		1		30	
8	ML007	Logic học đại cương	2		2	30		
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30		
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30		
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30		
	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30		
	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20	
	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20	
TỔNG CỘNG			18	15	3			

TT	MSHP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
NĂM THỨ 2, HỌC KỲ I (HỌC KỲ THỨ 3/10)								
1	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15		
2	FL220	Nghe nói B2.1	3	3		15	60	FL219
3	FL206	Đọc viết B2.1	3	3		15	60	FL205
4	SG281	Ngữ pháp nâng cao	2	2			60	SG280
5	TC100	GD thể chất 2 (*)	1		1		30	TC100
6	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4		4	60		
7	ML016	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2		30		ML014
8	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30		
TỔNG CỘNG			18	13	5			
NĂM THỨ 2, HỌC KỲ II (HỌC KỲ THỨ 4/10)								
1	FL221	Nghe nói B2.2	3	3		15	60	FL220
2	FL207	Đọc viết B2.2	3	3		16	60	FL206
3	TC100	GD thể chất 3 (*)	1		1		30	TC100
4	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60	TN033
5	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3		3	45		FL001
6	XH383	Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn	3	3		45		
7	XH465	Lý thuyết dịch	2	2		30		
8	XH551	Dịch thuật đại cương	2	2		30		
TỔNG CỘNG			19	15	4			
NĂM THỨ 2, HỌC KỲ HÈ (HỌC KỲ THỨ 5/10)								
1	XN332	Thực tế ngoài trường	2	2			60	≥65TC
TỔNG CỘNG			2					

TT	MSHP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
NĂM THỨ 3, HỌC KỲ I (HỌC KỲ THỨ 6/10)								
1	FL222	Nghe nói C1.1	3	3		15	60	FL221
2	FL208	Đọc viết C1.1	3	3		15	60	FL207
3	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016
4	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3		3	45		FL002
5	XH454	Ngữ dụng học – Anh văn	2	2		30		XH383
6	XN312	Biên dịch 1: Biên dịch căn bản 1	3	3			90	XH465, XH551
7	XN314	Phiên dịch 1: Kỹ năng dịch đuổi căn bản 1	3	3			90	XH465, XH551
TỔNG CỘNG			19	16	3			
NĂM THỨ 3, HỌC KỲ II (HỌC KỲ THỨ 7/10)								
1	FL223	Nghe nói C1.2	2	2			60	FL222
2	FL209	Đọc C1.2	2	2			60	FL208
3	FL262	Viết C1.2	2	2			60	FL208
4	XN313	Biên dịch 2: Biên dịch căn bản 2	3	3			90	XH465, XH551
5	XN315	Phiên dịch 2: Kỹ năng dịch đuổi căn bản 2	3	3			90	XH465, XH551
6	XH537	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	2		30		XH383
7	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018
8	XH175	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Anh văn	2	2			60	
TỔNG CỘNG			18	18				
NĂM THỨ 3, HỌC KỲ HÈ (HỌC KỲ THỨ 8/10)								
1	XN333	Thực tập ngoài trường – Anh văn	2	2			60	XN332
TỔNG CỘNG			2					

TT	MSHP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
NĂM THỨ 4, HỌC KỲ I (HỌC KỲ THỨ 9/10)								
1	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019
2	FL225	Nghe nói C1.3	2	2			60	FL223
3	SG277	Viết báo cáo khoa học	2	2			60	FL262
4	FL211	Đọc phát triển kỹ năng phân biện	2	2			60	FL209
5	FL201	Biên dịch 3: Đánh giá chất lượng bản dịch	3	3			90	XH465, XH551
6	FL241	Phiên dịch 3: Kỹ năng dịch đuổi nâng cao	3	3			90	XH465, XH551
7	FL212	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		45		FL221
8	SP466	Nói trước công chúng	2	2			60	FL215
TỔNG CỘNG			19	19				
NĂM THỨ 4, HỌC KỲ II (HỌC KỲ THỨ 10/10)								
1	XH508	Biên dịch thư tín thương mại	2	2		30		
2	FL242	Phiên dịch 4: Kỹ năng phiên dịch song song	2	2			60	XH465, XH551
<i>Hướng làm luận văn tốt nghiệp</i>								
1	XH499	Luận văn tốt nghiệp – Anh văn	10		10		300	
<i>Hướng làm tiểu luận tốt nghiệp & Học các học phần thay thế</i>								
1	XH498	Tiểu luận tốt nghiệp – Anh văn	4		10		120	
2	XN325	Phiên dịch môi trường	3				90	
3	FL243	Phiên dịch du lịch	2				60	
4	XN320	Biên dịch kỹ thuật	3				90	
5	XN321	Biên dịch báo chí	3				90	
6	FL202	Biên dịch văn học điện ảnh	2				60	
TỔNG CỘNG			14	4	10			

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP006	GD quốc phòng & an ninh 1 (*)	2	Học phần này đề cập đến những lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Giới thiệu về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP007	GD quốc phòng & an ninh 2 (*)	2	Giới thiệu những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh

				đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.	
3	QP008	GD quốc phòng & an ninh 3 (*)	3	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP009	GD quốc phòng & an ninh 4 (*)	1	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK, rèn luyện kỹ thuật sử dụng lựu đạn trong chiến đấu, kỹ năng thực hành chiến đấu trong tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	SG279	Ngữ pháp cơ bản	2	Ở học phần Ngữ pháp căn bản, người học sẽ ôn tập, bổ sung, và hệ thống lại kiến thức ngữ pháp liên quan tới 8 từ loại trong tiếng Anh gồm động từ, danh từ, đại từ, tính từ, trạng từ, giới từ, liên từ, và thán từ. Ngoài ra, người học cũng học về 5 mẫu câu cơ bản và ôn lại 4 kiểu câu theo chức năng gồm câu trần thuật, câu nghi vấn, câu yêu cầu và câu cảm thán.	Khoa Ngoại ngữ
6	SG282	Ngữ âm thực hành cơ bản	2	Ngữ âm thực 1 nhằm rèn luyện cho người học phát âm đúng các âm trong tiếng Anh và tăng cường khả năng phát âm chính xác trôi chảy trong đàm thoại. Học phần này trang bị kiến thức về nguyên âm và phụ âm, phát âm đúng từ với âm tiết nhấn và không nhấn, ngữ điệu cơ bản trong tiếng Anh. Học phần Ngữ âm này được thiết kế trên nguyên tắc lấy người học làm trung tâm, với sự hướng dẫn của giáo viên, phát huy sự tự học và rèn luyện ngoài lớp học.	Khoa Ngoại ngữ
7	FL205	Đọc viết B1	3	Học phần Đọc – Viết B1 sẽ: - Cung cấp cho sinh viên cơ hội để học và thực hành các kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng viết câu, viết đoạn. Mở rộng vốn từ vựng cho sinh viên về các chủ đề thuộc phạm vi môn học. - Xây dựng và phát triển khả năng đọc- viết giúp sinh viên đạt bậc 3 (B1) theo KNLNN 6 bậc dành cho Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
8	SG280	Ngữ pháp trung cấp	2	Ở học phần Ngữ pháp trung cấp, người học sẽ ôn tập, bổ sung, và hệ thống lại kiến thức ngữ pháp liên quan tới được các cụm từ trong tiếng Anh được phân loại theo cấu trúc và theo chức năng; các loại mệnh đề; 4 loại câu phân loại theo cấu trúc; và 4 loại lỗi câu thường gặp trong khi viết gồm câu chứa cấu trúc không tương đồng, cụm từ bỏ nghĩa đặt sai vị trí hoặc bỏ nghĩa không đúng đối tượng, câu chưa hoàn chỉnh, và câu dài lê thê.	Khoa Ngoại ngữ
9	FL219	Nghe nói B1	3	Học phần Nghe – Nói B1 sẽ: - Xây dựng phát triển kỹ năng nghe - nói cho những sinh viên học ngoại ngữ tiếng Anh muốn đạt sự thành công về học thuật, nghề nghiệp và giao tiếp. - Mở rộng vốn từ vựng/kiến thức/kỹ năng tư duy phê phán cho sinh viên về các chủ đề trong phạm vi môn học.	Khoa Ngoại ngữ

				- Xây dựng và phát triển khả năng nghe - nói hỗ trợ sinh viên đạt bậc 3 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.	
10	SG283	Ngữ âm thực hành nâng cao	2	Học phần ngữ âm nâng cao cung cấp kiến thức phân biệt các đặc điểm ngữ âm trong lời nói tự nhiên, cách xác định điểm dừng / ngắt nhịp trong lời nói và kiến thức và thực hành các kỹ thuật luyện âm, ngữ điệu cấp độ cụm từ và câu. Học phần Ngữ âm nâng cao được thiết kế trên nguyên tắc lấy người học làm trung tâm, với sự hướng dẫn của giáo viên, phát huy sự tự học và rèn luyện ngoài lớp học.	Khoa Ngoại ngữ
11	ML014	Triết học Mác Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác-Lênin bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác- Lênin và vai trò của Triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử; Học thuyết hình thái kinh tế- xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học chính trị
12	FL215	Kỹ năng thuyết trình	2	Môn học này bao gồm 8 chương được chọn lọc từ giáo trình Successful Presentations và bổ sung thêm từ một số nguồn khác. Mỗi chương trong chương trình từng bước giúp sinh viên hoạch định, phát triển và thực hiện các bài thuyết trình và rèn luyện các kỹ năng thuyết trình cần thiết cho môi trường học thuật trong suốt thời gian theo học chương trình cũng như phục vụ cho nhu cầu thuyết trình trong công việc tương lai. Mỗi bài dạy kết hợp giữa việc cung cấp lý thuyết, ngôn ngữ chức năng cho các phần thuyết trình cùng với việc thực hành liên tục trên lớp.	Khoa Ngoại ngữ
13	TC100	GD thể chất 1 (*)	1	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương ứng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn Giáo dục thể chất
14	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện. 7. Cấu trúc.	Khoa Khoa học Chính trị
15	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
16	XH011	Cơ sở văn hóa Việt	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố,	Khoa Khoa học Xã hội và

		Nam		những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Nhân văn
17	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giải yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4, rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
18	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
19	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: Kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng quản lý cảm xúc và kỹ năng tìm việc và phỏng vấn tuyển dụng	
20	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình đỡ hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thể mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/ hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
21	TN033	Tin học căn bản (*)		Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
22	FL220	Nghe nói B2.1	3	Học phần Nghe – Nói B2.1 sẽ Xây dựng phát triển kỹ năng nghe - nói cho những sinh viên học ngoại ngữ tiếng Anh muốn đạt sự thành công về học thuật, nghề nghiệp và giao tiếp. Mở rộng vốn từ vựng/kiến thức/kỹ năng tư duy phê phán cho sinh viên về các chủ đề trong phạm vi môn học. Xây dựng và phát triển khả năng nghe - nói hỗ trợ sinh viên đạt bậc 4.1 (B4.1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
23	FL206	Đọc viết	3	Học phần Đọc – Viết B2.2 sẽ:	Khoa Ngoại

		B2.1		Cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành các kỹ năng đọc hiểu được sử dụng trong hầu hết các lĩnh vực trong xã hội và kỹ năng viết luận kết hợp với sử dụng từ vựng và ngữ pháp phù hợp để đạt được kỹ năng đọc viết tương đương trình độ B2 theo KNLNN 6 bậc ở Việt Nam. Hình thành cho sinh viên những kỹ năng và thái độ làm việc một cách hiệu quả và chuyên nghiệp trong quá trình phát triển nghề nghiệp bản thân.	ngữ
24	SG281	Ngữ pháp nâng cao	2	Học phần Ngữ Pháp Nâng Cao cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về các dạng biến đổi câu, các cách diễn giải cụm từ và câu bằng nhiều cách khác nhau nhưng có cùng một nội dung. Từ đó sinh viên có thể vận dụng thành thạo kiến thức đạt được từ học phần Ngữ pháp nâng cao vào kỹ năng viết, kỹ năng nói, hoặc thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên còn phải biết cách tổ chức, sắp xếp, phân công công việc khoa học khi làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, cũng như trình bày trước lớp một số chủ điểm ngữ pháp có liên quan.	Khoa Ngoại ngữ
25	TC100	GD thể chất 2 (*)	1	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn Giáo dục Thể chất
26	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính v.v... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản ...	Khoa Ngoại ngữ
27	ML016	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác-Lênin bao gồm: Đấu tranh, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	Khoa Khoa học chính trị
28	KL001	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định	Khoa Luật

				của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	
29	FL221	Nghe nói B2.2	3	Trong môn học này, sinh viên sẽ tập trung vào 10 chủ đề từ giáo trình Q: Skills for Success – Listening and Speaking, cấp độ 3 (NXB Oxford). Mỗi bài học tích hợp các kỹ năng nghe, nói, ngữ âm, các chiến thuật giao tiếp cùng với các hoạt động thực hành phân từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho việc chia sẻ kinh nghiệm cá nhân, trình bày quan điểm cá nhân, đàm thoại và thuyết trình trong môn học. Các chủ đề nghe và nói xoay quanh các vấn đề có liên quan đến bản thân người học và môi trường xung quanh người học. Học phần này giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe nói tương đương bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
30	FL207	Đọc viết B2.2	3	Học phần Đọc – Viết B2.2 sẽ: - Cung cấp cho sinh viên cơ hội để học và thực hành các kỹ năng đọc hiểu được sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp xã hội và kỹ năng viết đoạn, viết luận. Mở rộng vốn từ vựng cho sinh viên về các chủ đề thuộc phạm vi môn học. - Xây dựng và phát triển khả năng đọc – viết giúp sinh viên đạt bậc 4 (B2) theo KNLNN 6 bậc dành cho Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
31	TC100	GD thể chất 3 (*)	1	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn giáo dục thể chất
32	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
33	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian.v.v.. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
34	XH383	Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn	3	Môn học gồm 6 chương. Chương 1 trình bày bản chất ngôn ngữ, các khái niệm chính trong ngôn ngữ và ngôn ngữ học. Chương 2 đề cập tới ngành Ngữ Âm: bản chất âm thanh lời nói. Chương 3 phân tích ngành Âm vị học: hệ thống âm vị trong ngôn ngữ. Chương 4 bàn về ngành Từ pháp học: cấu tạo từ. Chương 5 đề cập tới ngành syntax: cấu tạo câu.	Khoa Ngoại ngữ

				<p>Chương 6 trình bày về semantics: ngữ nghĩa ngôn ngữ.</p> <p>Học phần này giúp cho sinh viên nắm được nội dung chính của các ngành cốt yếu trong ngôn ngữ học nhằm giúp cho sinh viên có cái nhìn sâu hơn về ngôn ngữ và có thể ứng dụng trong việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp một cách hiệu quả.</p>	
35	XH465	Lý thuyết dịch	2	<p>Học phần <i>Lý thuyết dịch</i> gồm có 05 chương. Chương 1 giới thiệu hình thức và ý nghĩa, Chương 2 phân tích các đặc điểm của ngôn ngữ ảnh hưởng đến dịch thuật, hay các khó khăn trong dịch thuật. Chương 3 đề xuất các thủ thuật điều chỉnh để tìm cấu trúc và từ ngữ tương đương khi dịch các yếu tố liên quan đến ngữ pháp và từ vựng. Chương 4 khái quát tầm quan trọng của việc hiểu rõ ý nghĩa ẩn trong quá trình dịch thuật và các cách thức chuyển đổi ý nghĩa ẩn sang ý nghĩa rõ ràng và ngược lại. Chương 5 giới thiệu khái quát các bước tiến hành trong một Dự án dịch thuật nhằm giúp sinh viên có thể hình dung được cần phải có nhiều nỗ lực và nhiều thời gian mới đảm bảo có một bản dịch tốt trước khi in ấn, phát hành.</p>	Khoa Ngoại ngữ
36	XH551	Dịch thuật đại cương	2	<p>Học phần Dịch thuật đại cương giới thiệu sơ lược về các loại hình dịch thuật, vai trò của dịch thuật. Học phần cũng giúp sinh viên hiểu một cách cơ bản một số kỹ thuật biên dịch và phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh; biết được tầm quan trọng của các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, từ đó giúp sinh viên hình thành ý thức rèn luyện các phẩm chất của người biên/phiên dịch.</p>	Khoa Ngoại ngữ
37	XN332	Thực tế ngoài trường	2	<p>Sinh viên tham gia đi tham quan, khảo sát và học tập kiến thức về văn hóa, ngôn ngữ trong quá trình đi thực tế ngoài trường ở thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; hoặc sinh viên có thể tham gia vào chương trình trao đổi sinh viên/ giao lưu văn hóa ở các nước khác. Thông qua đợt thực tế, sinh viên sẽ được học hỏi thêm các kiến thức về văn hóa xã hội và củng cố lại kiến thức cũng như rèn luyện thêm về các kỹ năng chuyên ngành ngôn ngữ Anh; hình thành định hướng nghề nghiệp và các kỹ năng có liên quan về biên dịch, phiên dịch, hướng dẫn du lịch. Bên cạnh đó, sinh viên có ý thức hơn về tác phong và thái độ trong môi trường làm việc thực tế và tích lũy kiến thức xã hội, kỹ năng sống để sinh viên có định hướng cũng như không bị ngỡ ngàng khi ra trường. Qua quá trình thực tế, sinh viên có sự gắn kết với hơn với tập thể, môi trường thực tế cũng như hình thành tình yêu thiên nhiên, đất nước và các giá trị đa văn hóa; đồng thời nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề và khả năng thích nghi trong các tình huống thực tế đa dạng.</p>	Khoa Ngoại ngữ
38	FL222	Nghe nói C1.1	3	<p>Trong môn học này, sinh viên sẽ tập trung vào 10 chủ đề từ giáo trình Q: Skills for Success – Listening and Speaking, cấp độ 4 (NXB Oxford). Mỗi bài học tích hợp các kỹ năng nghe, nói, ngữ âm, các chiến thuật giao tiếp cùng với các hoạt động thực hành phần từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho việc trình bày quan điểm cá nhân, giao tiếp và thuyết trình. Các chủ đề nghe và nói xoay quanh các vấn đề kinh tế, môi trường, sức khỏe, tâm lý và nghệ thuật. Học phần này giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe nói tương đương bậc 5 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	Khoa Ngoại ngữ

39	FL208	Đọc viết C1.1	3	Học phần Đọc – Viết C1 sẽ: - Cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành các kỹ năng đọc hiểu được sử dụng trong hầu hết các lĩnh vực trong xã hội và kỹ năng viết luận kết hợp với sử dụng từ vựng và ngữ pháp phù hợp để đạt được kỹ năng đọc viết tương đương trình độ C1 theo KNLNN 6 bậc ở Việt Nam. - Hình thành cho sinh viên những kỹ năng và thái độ làm việc một cách hiệu quả và chuyên nghiệp trong quá trình phát triển nghề nghiệp bản thân.	Khoa Ngoại ngữ
40	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	
41	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ, v.v... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ ... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.	Khoa Ngoại ngữ
42	XH454	Ngữ dụng học – Anh văn	2	Khóa học nhằm giới thiệu cho sinh viên về ngành ngữ dụng học, ngành học chuyên sâu về các vấn đề về ý nghĩa – tầm quan trọng của ý nghĩa, ứng dụng ngôn ngữ và tính liên quan của ngôn ngữ trong ngữ cảnh giao tiếp. Mục đích khóa học là nhằm cung cấp cho học viên những khái niệm cơ bản trong ngữ dụng và các bài tập ứng dụng tương ứng. Hy vọng rằng thông qua 2 các bài tập, người học sẽ có kiến thức sâu về ngữ dụng như là một ngành nghiên cứu mang tính thực tiễn và tính liên quan của nó đến nhiều ngôn ngữ khác nhau. Cuối cùng, trong quá trình nghiên cứu cũng như trong lúc trải nghiệm các bài tập, học viên sẽ khám phá ra các vấn đề thú vị thông qua nhiều tình huống giao tiếp hiệu quả.	Khoa Ngoại ngữ
43	XN312	Biên dịch 1: Biên dịch căn bản 1	3	Học phần này sẽ cung cấp cho người học cơ hội vận dụng lý thuyết vào thực tiễn dịch thuật những bài báo. Người học cũng thực hiện những project dịch thuật; từ đó họ có thể có được những kỹ năng và trải nghiệm trong công tác dịch thuật. Thêm vào đó, người học cũng có thể trao đổi kỹ năng ngôn ngữ cả tiếng Việt lẫn tiếng Anh, nhất là trong một số lĩnh vực chuyên môn mà họ có thể ứng dụng cho nghề nghiệp tương lai của mình.	
44	XN314	Phiên dịch 1: Kỹ năng dịch thuật căn bản 1	3	Học phần Phiên dịch 1: Dịch thuật căn bản 1 tạo điều kiện cho người học hiểu rõ hơn về các kỹ thuật cơ bản của phiên dịch thuật; rèn luyện khả năng phân tích, xử lý thông tin và ghi nhớ thông điệp (không ghi chú) ở mức độ trung cấp, tiếp cận nhiều bài thực hành phong phú giúp người học thực hành phiên dịch một cách lưu loát, tự nhiên, đúng và đủ thông tin	Khoa Ngoại ngữ

				chủ yếu từ tiếng Anh sang tiếng Việt những cuộc hội thoại/phỏng vấn ngắn từ 3-5 phút; giúp người học kiểm soát được khả năng nghe hiểu, ghi nhớ và diễn giải của mình. Từ đó, người học có thể thể hiện được một số tác phong nghề nghiệp cơ bản của một người phiên dịch duỗi.	
45	FL223	Nghe nói C1.2	2	Trong môn học này, sinh viên sẽ tập trung vào 08 chủ đề được chọn lọc từ giáo trình Q: Skills for Success – L/S cấp độ 5 (NXB Oxford). Mỗi bài học tích hợp các kỹ năng Nghe, nói, ngữ âm, các chiến thuật giao tiếp cùng với các hoạt động thực hành phần từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho các nhiệm vụ giao tiếp và thuyết trình trong môn học.	Khoa Ngoại ngữ
46	FL209	Đọc C1.2	2	Học phần Đọc C1.2 sẽ: - Cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành các kỹ năng đọc hiểu được sử dụng trong hầu hết các lĩnh vực trong xã hội để đạt được kỹ năng đọc tương đương trình độ C1 theo KNLNN 6 bậc ở Việt Nam. - Hình thành cho sinh viên những kỹ năng và thái độ làm việc một cách hiệu quả và chuyên nghiệp trong quá trình phát triển nghề nghiệp bản thân.	Khoa Ngoại ngữ
47	FL262	Viết C1.2	2	Nội dung chính của học phần nhằm phát huy kỹ năng viết thư giới thiệu bản thân để xin việc hoặc xin học bổng, viết lý lịch, viết mô tả biểu bảng.	Khoa Ngoại ngữ
48	XN313	Biên dịch 2: Biên dịch căn bản 2	3	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức và thực hành biên dịch ở cấp độ văn bản phi chính luận. Sinh viên cũng tiến hành thực hành dịch các loại văn bản khác nhau và từ đó đúc kết, trau dồi thêm kỹ năng và kinh nghiệm trong việc biên dịch các loại hình văn bản, văn bản nói và văn bản nghe nhìn. Bên cạnh đó, sinh viên cũng rèn luyện thêm kỹ năng diễn đạt ngôn ngữ (Anh, Việt) và trau dồi thêm vốn từ vựng ở các lĩnh vực chuyên ngành khác nhau, phục vụ cho các học phần chuyên ngành sâu cũng như cho nghề nghiệp tương lai.	Khoa Ngoại ngữ
49	XN315	Phiên dịch 2: Kỹ năng dịch duỗi căn bản 2	3	Học phần Phiên dịch 2: Dịch duỗi căn bản 2 hướng dẫn người học một số qui tắc ghi chú để dịch duỗi, giúp người học thực hành phiên dịch một cách lưu loát, tự nhiên, đúng và đủ thông tin từ tiếng Anh sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Anh những cuộc hội thoại/phỏng vấn ngắn từ 5-7 phút, trình độ trung cấp. Người học được tạo điều kiện rèn luyện và sử dụng được khoảng 2.000 từ vựng tích cực xoay quanh các vấn đề thời sự về giáo dục, ngôn ngữ, sức khỏe, thương mại, dịch vụ và du lịch; đồng thời thể hiện được một số tác phong nghề nghiệp cơ bản của một người phiên dịch duỗi.	
50	XH537	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	Môn học gồm 4 chương. Chương 1 miêu tả tóm tắt vị trí của ngôn ngữ học đối chiếu trong ngôn ngữ học, xác định ngôn ngữ học đối chiếu là một ngành nghiên cứu liên ngôn ngữ - giữa tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ - trong việc học tiếng, giữa ngữ nguồn và ngữ nhận trong lý thuyết dịch thuật. Chương 2 trình bày các phạm trù ngữ pháp được sử dụng trong miêu tả ngôn ngữ để đối chiếu và mẫu ngôn ngữ theo chủ nghĩa cấu trúc dùng trong phân tích thành tố trực tiếp. Chương 3 miêu tả các ứng dụng truyền thống của ngôn ngữ học đối chiếu trong tiên đoán những khó khăn trong việc học tiếng, những lỗi người học mắc phải, thiết lập các bậc thang khó khăn trong học ngoại ngữ, vai trò của việc chẩn đoán lỗi và việc kiểm tra có giá trị cũng như việc thiết kế học phần thỏa được	Khoa Ngoại ngữ

				các nguyên tắc sư phạm về chọn lựa và sắp xếp ngữ liệu. Chương 4 nêu hai vấn đề cốt lõi trong việc học ngoại ngữ là phân tích đối chiếu và phân tích lỗi.	
51	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Khoa Khoa học chính trị
52	XH175	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Anh văn	2	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học – Anh văn được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục và ngôn ngữ Anh, từ đó sinh viên có thể tự xác định đề tài nghiên cứu và lập ra kế hoạch nghiên cứu chi tiết. Đây là học phần quan trọng cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm về nghiên cứu khoa học để giúp sinh viên thực hiện tốt học phần Tiểu luận tốt nghiệp và Luận văn tốt nghiệp đại học. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có thể viết được một đề cương nghiên cứu chi tiết cho đề tài do sinh viên tự chọn.	Khoa Ngoại ngữ
53	XN333	Thực tập ngoài trường – Anh văn	2	Sinh viên học tập kinh nghiệm và đi thực tập ở các cơ quan, đơn vị, công ty trên địa bàn Đồng bằng sông Cửu Long. Thông qua đợt thực tập ngoài trường, sinh viên sẽ được học hỏi và rèn luyện thêm về các kỹ năng cũng như củng cố lại kiến thức chuyên ngành biên phiên dịch và ngôn ngữ. Bên cạnh đó, sinh viên có ý thức hơn về tác phong và thái độ trong môi trường làm việc thực tế để sinh viên có định hướng cũng như không bị ngỡ ngàng khi ra trường. Sinh viên có cơ hội tiếp xúc với các môi trường làm việc thực tế ở các lĩnh vực mà sinh viên có khả năng làm việc trong tương lai như các công ty dịch thuật, đài truyền hình, cơ quan báo chí, sở Ngoại vụ, cục Hải quan, các dự án, công ty xuất nhập khẩu, các công ty Lữ hành du lịch, khách sạn...	Khoa Ngoại ngữ
54	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
55	FL225	Nghe nói C1.3	2	Môn học này sử dụng chủ đạo các nguồn học liệu trực tuyến bao gồm TED Talks và các đoạn phim ngắn từ Internet và các kênh truyền hình và kênh phim tài liệu trực tuyến. Mỗi bài dạy được tích hợp nguồn dữ liệu từ nhiều nguồn đa dạng, kết hợp giữa	Khoa Ngoại ngữ

				<p>nguồn dữ liệu của giáo viên với nguồn dữ liệu do sinh viên tìm và chia sẻ. Chương trình bao gồm 8 chủ đề được chọn lọc (có thể được cập nhật theo từng năm với từng nhóm sinh viên) bao gồm: giáo dục, giới tính, công nghệ, môi trường, nghề nghiệp, triết lý và phong cách sống, sức khỏe, an ninh, quan hệ cá nhân và quốc tế, khủng hoảng kinh tế và chính trị. Tương ứng với mỗi chủ đề, giáo viên sẽ chọn lọc 1 dữ liệu đầu vào (input) là 1 bài thuyết trình. Song song đó, sinh viên (theo nhóm) cũng sẽ chọn lọc 1 bài thuyết trình tương ứng với chủ đề đó và chia sẻ với lớp theo sự hướng dẫn của giáo viên.</p>	
56	SG277	Viết báo cáo khoa học	2	<p>Nội dung chính của học phần nhằm phát huy kỹ năng viết tóm tắt và viết phê bình các bài báo khoa học/sách khoa học thuộc chuyên ngành của sinh viên. Mục đích cụ thể của học phần này nhằm:</p> <p>Cung cấp cho sinh viên ngôn ngữ và phong cách viết học thuật phù hợp với thể loại bài viết khoa học: tóm tắt (critical summary), và bài tổng quan tài liệu về một chủ đề chuyên ngành (critical literature review).</p> <p>Hướng dẫn sinh viên so sánh, tổng hợp, đánh giá tài liệu, bài báo khoa học và phát triển năng lực viết luận tư duy phê bình.</p> <p>Hướng dẫn sinh viên cách tìm tài liệu/bài báo khoa học và trích dẫn tài liệu/bài báo.</p>	Khoa Ngoại ngữ
57	FL211	Đọc phát triển kỹ năng phân biện	2	<p>Học phần Đọc phát triển kỹ năng phân biện giúp sinh viên mở rộng kiến thức và kỹ năng tư duy phê phán hoặc phân biện. Thông qua học phần, sinh viên có thể phát triển khả năng đánh giá thông tin tiếp nhận, trình bày thông tin và lập luận có tính khoa học, thể hiện thái độ khách quan đối với các vấn đề đời sống, xã hội.</p>	Khoa Ngoại ngữ
58	FL201	Biên dịch 3: Đánh giá chất lượng bản dịch	3	<p>Môn học nhằm luyện tập cho sinh viên kỹ năng biên dịch ở cấp độ nâng cao với lượng từ vựng ở mức độ C1 và kỹ năng đánh giá chất lượng của một bản dịch, dựa trên tiêu chí có sẵn. Môn học cũng ôn lại một số kiến thức ngữ pháp và kỹ thuật dịch có liên quan nhằm hỗ trợ cho quá trình dịch thuật. Tài liệu luyện tập kỹ năng dịch thuật, biên tập, hiệu đính và kỹ năng đánh giá chất lượng bản dịch sẽ liên quan đến các chủ đề đã được học trong chương trình đào tạo, gồm có: ngôn ngữ, văn hóa, văn chương, dịch thuật, giáo dục, môi trường, thời sự, du lịch, kinh doanh, thư xin việc, lý lịch xin việc, kỹ năng mềm... Ngoài các tài liệu do giảng viên cung cấp, sinh viên được tham gia vào quá trình lựa chọn tài liệu (B2-C1) để luyện tập biên dịch và đánh giá chất lượng bản dịch. 70% thời lượng của học phần sẽ tập trung vào luyện tập biên dịch, 30% sẽ tập trung vào luyện tập kỹ năng biên tập, hiệu đính bản dịch và đánh giá chất lượng bản dịch.</p>	
59	FL241	Phiên dịch 3: Kỹ năng dịch xuôi nâng cao	3	<p>Học phần Kỹ năng dịch xuôi nâng cao tạo điều kiện cho người học rèn luyện khả năng phân tích, biến đổi cấu trúc, xử lý từ vựng theo chuyên đề ở mức độ trên trung cấp; hiểu được những yếu tố chính của của một bài trình bày/bài giảng; luyện tập một số kỹ năng ghi chú khi dịch xuôi; tham gia nhiều bài thực hành phong phú giúp phiên dịch một cách lưu loát, tự nhiên, đúng và đủ thông tin; kiểm soát được khả năng nghe hiểu, ghi nhớ và diễn giải của mình. Bên cạnh, học phần tạo điều kiện cho người học rèn luyện và sử dụng được khoảng 2.500 từ vựng tích cực xoay quanh các vấn đề thời sự về giáo dục, ngôn ngữ, sức khỏe, thương mại, dịch vụ và du</p>	

				lịch; giúp người học xây dựng một số tác phong nghề nghiệp phiên dịch viên, đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực dịch thuật.	
60	FL212	Giao tiếp liên văn hóa	3	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa xã hội ở các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Từ đó, sinh viên có cái nhìn toàn diện hơn về các đặc trưng văn hóa. Sinh viên có ý thức hơn về yếu tố văn hóa trong quá trình giao tiếp để tránh sự hiểu lầm và định kiến trong giao tiếp. Bên cạnh đó, sinh viên cũng có ý thức hơn trong hành vi ứng xử của mình, rèn luyện cách ứng xử để hoàn thiện kỹ năng giao tiếp trong các tình huống giao tiếp trực tiếp và giao tiếp gián tiếp. Sinh viên cũng được yêu cầu thể hiện sự sáng tạo, đam mê trong việc tìm hiểu và trình bày đặc trưng của các nền văn hóa thông qua đề tài văn hóa của nhóm.	Khoa Ngoại ngữ
61	SP466	Nói trước công chúng	2	Trong học phần này, người học sẽ có cơ hội thực hành và cải thiện kỹ năng nói trước công chúng. Người học cũng sẽ phát triển năng lực tự học thông qua việc đầu tư nghiên cứu để làm các bài thuyết trình nhỏ và bài cuối khóa. Điều quan trọng nhất là khóa học sẽ tạo sự tự tin cho người học và khả năng nói trước đám đông trong những hoàn cảnh khác nhau.	Khoa Ngoại ngữ
62	XH508	Biên dịch thư tín thương mại	2	Học phần Phiên dịch Môi trường cung cấp cho SV cơ hội áp dụng hiệu quả các kỹ năng phiên dịch đã học thông qua hoạt động phiên dịch các tài liệu chọn lọc liên quan đến môi trường trên thế giới và tại Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
63	FL242	Phiên dịch 4: Kỹ năng phiên dịch song song	2	Học phần Dịch song song giúp SV rèn luyện kỹ năng dịch trực tiếp, được thiết kế theo định hướng thực hành, sử dụng tài liệu hội thảo thật, video clips, và có ứng dụng đa truyền thông, giúp bồi đắp và tăng cường các kỹ năng dịch song song. Đặt nền móng cho nghề nghiệp dịch song song và giúp SV khám phá các năng khiếu hay thế mạnh của mình, hình thành lòng yêu nghề, sự thấm nhuần đạo đức nghề thông qua các bài tập và hoạt động mô phỏng cũng như chia sẻ kinh nghiệm thực tế. Ngoài giờ học và thực hành chính khóa, SV cần làm việc nhiều với các thành viên trong nhóm và thực hành dịch tại nhà, phát huy tinh thần tự học, cũng như dự tính một số hội thảo có phiên dịch song song. Kết thúc học phần, SV có khả năng thực hiện hoạt động dịch song song cho những bài trình bày và phát biểu có độ dài trung bình 15 tới 20 phút.	Khoa Ngoại ngữ
64	XH499	Luận văn tốt nghiệp –Anh văn	10	Luận văn tốt nghiệp là học phần tự chọn thay thế tốt nghiệp, qua đó sinh viên thực hiện một công trình khoa học quan trọng, có cơ hội phát triển kỹ năng tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa và dịch thuật tiếng Anh.	Khoa Ngoại ngữ
65	XH498	Tiểu luận tốt nghiệp – Anh văn	4	Học phần tiểu luận tốt nghiệp giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thể loại tiểu luận phù hợp.	Khoa Ngoại ngữ
66	XN325	Phiên dịch môi trường	3	Học phần Phiên dịch Môi trường cung cấp cho SV cơ hội áp dụng hiệu quả các kỹ năng phiên dịch đã học thông qua hoạt động phiên dịch các tài liệu chọn lọc liên quan đến môi trường trên thế giới và tại Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
67	FL243	Phiên dịch du lịch	2	Phiên dịch du lịch cần sự tinh tế, nhạy bén, và khéo léo trong ứng xử của mỗi phiên dịch viên/hướng dẫn viên. Vì vậy, người phiên dịch trong lĩnh vực du lịch cần phải trang bị cho	Khoa Ngoại ngữ

				<p>mình kiến thức về các lĩnh vực : văn hóa, lịch sử, du lịch, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ, giao tiếp xuyên văn hóa... và cả sự năng nổ, nhiệt tình trong công việc để tạo cơ hội phát triển cho bản thân. Học phần <i>Phiên dịch du lịch</i> gồm 02 phần sẽ tạo cơ hội cho sinh viên được (1) thực hành nhiều về công việc phiên dịch du lịch liên quan đến các chủ đề trên, (2) giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa của phiên dịch trong lĩnh vực du lịch còn gián tiếp nâng cao ý thức cho du khách và người dân địa phương về việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và danh lam thắng cảnh của đất nước.</p>	
68	XN320	Biên dịch kỹ thuật	3	<p>Học phần Biên dịch Kỹ thuật tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận và nắm bắt lý thuyết dịch các văn bản khoa học, những vấn đề cần đặc biệt chú ý khi dịch các văn bản khoa học nói chung và kỹ thuật nói riêng. Học phần này rèn luyện khả năng phân tích, biến đổi cấu trúc, xử lý từ vựng chuyên ngành. Đồng thời, học phần tạo điều kiện cho sinh viên luyện dịch một số nội dung then chốt trong kỹ thuật thông qua nhiều bài thực hành phong phú, từ đó từng bước rèn luyện kỹ năng dịch các văn bản kỹ thuật từ tiếng Anh sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Anh. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng so sánh bản dịch sẵn có và bản dịch do mình thực hiện nhằm hoàn thiện một văn bản dịch đạt yêu cầu sử dụng trong thực tế. Học phần có giá trị chuẩn bị cho sinh viên ứng dụng vào việc dịch thực tiễn sau khi ra trường, có khả năng nhận dịch các tài liệu kỹ thuật.</p>	Khoa Ngoại ngữ
69	XN321	Biên dịch báo chí	3	<p>Sinh viên biết vận dụng những kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, văn hóa để dịch Việt – Anh và Anh – Việt các bài với các chủ đề sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thời sự quốc tế Sự kiện kinh tế tài chính đầu tư Sự kiện khoa học kỹ thuật Sự kiện văn hóa xã hội Sự kiện thể thao <p>Học phần này sẽ cung cấp cho người học cơ hội vận dụng lý thuyết vào thực tiễn dịch thuật những bài báo. Người học cũng thực hiện những project dịch thuật; từ đó họ có thể có được những kỹ năng và trải nghiệm trong công tác dịch thuật. Thêm vào đó, người học cũng có thể trao đổi kỹ năng ngôn ngữ cả tiếng Việt lẫn tiếng Anh, nhất là trong một số lĩnh vực chuyên môn mà họ có thể ứng dụng cho nghề nghiệp tương lai của mình.</p>	Khoa Ngoại ngữ
70	FL202	Biên dịch văn học điện ảnh	2	<p>Học phần Biên dịch Văn học và Điện ảnh tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng biên dịch nâng cao Anh - Việt và Việt – Anh, được thiết kế theo định hướng thực hành, sử dụng tài liệu có ngữ liệu trung cấp bao gồm văn xuôi, văn vần và phụ đề phim. Học phần trang bị cho sinh viên những cơ hội vận dụng lý thuyết về dịch văn chương và dịch phụ đề, giúp sinh viên khám phá ra thế mạnh của bản thân, hình thành lòng yêu nghề và phẩm chất của biên dịch viên. Sinh viên cần thực hiện những project dịch thuật cá nhân và nhóm ngoài giờ học trên lớp; phát huy khả năng tự học, so sánh đối chiếu các bản dịch thực tế. Kết thúc học phần sinh viên có</p>	Khoa Ngoại ngữ

			<p>khả năng thực hiện biên dịch thể loại văn chương và điện ảnh có ngữ liệu cấp độ trung cấp Anh – Việt; Việt Anh như sau:</p> <p>Các mẫu truyện ngụ ngôn</p> <p>Các bài thơ của những nhà văn Anh_Mỹ_Việt Nam</p> <p>Những câu chuyện văn học cổ điển và đương đại</p> <p>Các dạng bài nonfiction (phi hư cấu): bài diễn văn, bức thư nổi tiếng, nhật ký, ký sự...</p> <p>Lời bài hát</p> <p>Phụ đề phim truyện</p> <p>Phụ đề phim thời sự</p>	
--	--	--	---	--

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

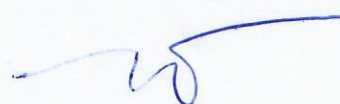
- Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của môn học, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học thì có các hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học thì giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy và học đa dạng: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp dự án, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập, ...

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt quá trình đào tạo) và đánh giá định kỳ chia làm hai lần: đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp, ...
- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 08 năm 2019

TRƯỞNG BỘ MÔN



Phương Hoàng Yến

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA

